

HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC 2021

THÔNG TIN TUYỂN SINH
DÀNH CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI
(Hệ đại học & chuyển tiếp)



Viện Hợp tác Quốc tế, Đại học Myongji.

1. Giới thiệu trường Đại học Myongji



Toàn cảnh thư viện trung tâm, cơ sở Seoul

Trường Đại học Myongji được thành lập từ năm 1948 và đã cho ra đời hơn 130 ngàn người tri thức, là một trong những trường đại học dân lập danh giá có cơ sở tại thủ đô Seoul và cả cơ sở tại thành phố Yongin. Với các chương trình quốc tế hóa đa dạng và thực tế, Đại học Myongji cung cấp một môi trường học tập phong phú giúp sinh viên có cơ hội cảm nhận được thế giới ngay tại Myongji và từ Đại học Myongji vươn ra thế giới. Bên cạnh đó, trường còn đang mở rộng cơ sở hạ tầng giáo dục nhằm nuôi dưỡng nhân tài mà thế giới mong muốn với trang thiết bị giáo dục hàng đầu, chương trình đào tạo và đội ngũ giáo sư có trình độ tốt nhất.

■ Cơ sở Seoul

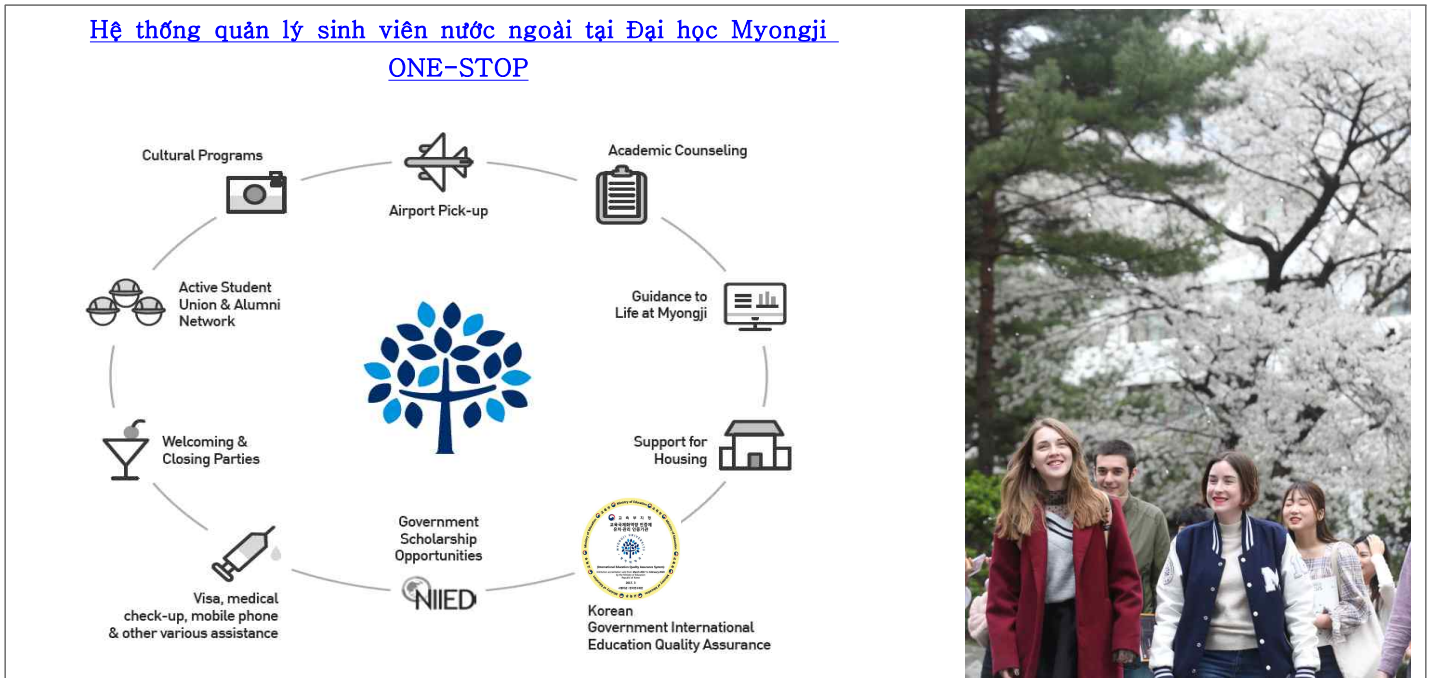
Được trang bị nền giáo dục theo tiêu chuẩn thế giới với môi trường giáo dục điện toán đồng nhất hàng đầu, trường có vị trí gần với các khu trung tâm du lịch và văn hóa đa dạng như Myongdong, Sinchon, Hongdae là các khu vực trung tâm của Seoul. Cơ sở Seoul có các khối ngành: nhân văn, khoa học-xã hội, khối ngành luật, khối ngành kinh doanh, khoa chuyên ngành tự do và khoa ứng dụng ICT.

■ Cơ sở Yongin

Môi trường giáo dục với trung tâm nghiên cứu và tự hào là cơ sở thân thiện với môi trường. Đặc biệt, cơ sở Yongin có vị trí gần với các khu trung tâm du lịch và văn hóa như Everland, làng dân tộc Hàn Quốc và Ủy ban nhân dân thành phố Yongin. Nằm cách Seoul 1 giờ đi lại bằng xe buýt, trường cũng đang vận hành hệ thống xe buýt trung chuyển giữa hai cơ sở. gần trường công ty SK Hynix dự định sẽ được xây dựng trong thời gian tới. Cơ sở Yongin có các khối ngành: khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật, thể dục, thể thao, khoa kiến trúc, khoa chuyên ngành tự do và khoa ứng dụng.

2. Hệ thống quản lý sinh viên nước ngoài

Nhằm hỗ trợ các bạn sinh viên quốc tế có thể thích nghi với cuộc sống tại Hàn Quốc, hai tổ chức 'Oulami' và 'Global Buddy' do các bạn sinh viên Hàn Quốc thành lập vẫn luôn hoạt động tích cực nhằm giúp đỡ các bạn sinh viên nước ngoài đang theo học tại trường, trong học tập cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày.



■ Oulami (CLB sinh viên quốc tế) : Hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ sinh hoạt sinh viên nước ngoài

Từ sau khi thành lập vào năm 2007 bởi các sinh viên Hàn Quốc ưu tú đang theo học tại trường, Câu Lạc Bộ 'Oulami' từ đó đã giúp đỡ các bạn sinh viên nước ngoài dễ dàng thích nghi hơn với cuộc sống tại Hàn Quốc, giúp sinh viên được trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc cũng như tham gia các lễ hội của trường. Ngoài ra, sinh viên nước ngoài còn được hỗ trợ nhiều chương trình khác trong khuôn khổ của nhà trường như liên quan đến xuất nhập cảnh, ngân hàng hay đăng ký môn học.

■ Global Buddy : Hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ việc học cho sinh viên nước ngoài

Global Buddy - hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ việc học tập của các bạn sinh viên nước ngoài, hỗ trợ các vấn đề trong học tập của sinh viên như tư vấn về điều kiện và tín chỉ tốt nghiệp, làm bài tập và tư vấn về việc thực hiện các đề án của nhóm.



3. Đơn vị tuyển sinh

■ Khoa tuyển sinh

Cơ sở	Đơn vị tuyển sinh	Khoa, chuyên ngành	Nhập học mới	Chuyển tiếp	Ghi chú
Cơ sở Seoul	Khối ngành nhân văn	Khoa ngữ văn Hàn	○	○	
		Khoa ngữ văn Trung	○	○	
		Khoa ngữ văn Nhật	○	○	
		Khoa ngữ văn Anh	○	○	
		Khoa nghiên cứu khu vực Á Rập	○	○	
		Khoa lịch sử	○	○	
		Khoa thông tin văn hiến	○	○	
		Khoa lịch sử ngành mỹ thuật	○	○	
		Khoa triết học	○	○	
		Khoa sáng tác nghệ thuật	○	○	
	Khối ngành khoa học – xã hội	Khoa hành chính	○	○	
		Khoa kinh tế	○	○	
		Khoa chính trị ngoại giao	○	○	
		Khoa truyền thông đa phương tiện *	○	○	
		Khoa giáo dục mầm non	○	○	
		Khoa giáo dục thanh thiếu niên	○	○	
	Khối ngành kinh doanh	Khoa quản trị kinh doanh *	○	○	
		Khoa thương mại quốc tế *	○	○	
		Khoa thông tin quản trị kinh doanh *	○	○	
	Khối ngành luật	Khoa luật	○	○	
Khối ngành công nghệ thông tin và truyền thông tổng hợp ICT	Khoa thiết kế nội dung kĩ thuật số	○	○		
	Khoa ứng dụng tổng hợp	○	○		
Cơ sở Yongin	Khối ngành tự nhiên	Khoa toán học	○	○	
		Khoa vật lí	○	○	
		Khoa hóa học	○	○	
		Khoa dinh dưỡng	○	○	
		Khoa thông tin công nghệ sinh học	○	○	
	Khối ngành kĩ thuật	Khoa kỹ thuật điện cơ	○	○	
		Khoa kỹ thuật điện tử *	○	○	
		Khoa kĩ thuật hóa học	○	○	
		Khoa quản lý công nghiệp	○	○	
		Khoa vật liệu tiên tiến	○	○	
		Khoa kĩ thuật năng lượng & môi trường	○	○	
		Khoa công nghệ thông tin *	○	○	
		Khoa kỹ thuật môi trường và xây dựng cơ bản	○	○	
		Khoa kỹ thuật giao thông	○	○	
	Khoa kỹ thuật cơ khí	○	○		
	Khối ngành công nghệ thông tin và truyền thông tổng hợp ICT	Khoa kỹ thuật	○	○	
	Khối ngành nghệ thuật	Khoa thiết kế thị giác	○	○	
		Khoa thiết kế công nghiệp	○	○	
		Khoa thiết kế video	○	○	
		Khoa thiết kế thời trang	○	○	
		Ngành thể dục/ngành công nghiệp thể thao	○	○	
		Khoa cờ vây	○	○	
		Khoa piano	○	○	
		Khoa thanh nhạc	○	○	
		Khoa sáng tác âm nhạc	○	○	
		Khoa điện ảnh	○	○	
	Khối ngành kiến trúc	Khoa nhạc kịch	○	○	
		Khoa kiến trúc	○	○	
		Khoa kiến trúc truyền thống	○	○	
	Khoa Quốc tế	Chuyên ngành thiết kế nội thất	○	○	
Chuyên ngành quản lý công thương		○	○		

※ Những khoa có đánh dấu * kê bên là những khoa giới hạn về chỉ tiêu tuyển sinh, do đó sinh viên chỉ được chọn những chuyên ngành này làm nguyện vọng 1.

(Giới hạn chỉ tiêu tuyển sinh của các khoa sau: Khoa truyền thông đa phương tiện (7 người), Khoa quản trị kinh doanh (23 người), Khoa thương mại quốc tế (12 người), Khoa thông tin quản trị kinh doanh (7 người), Khoa kỹ thuật điện tử (15 người), Khoa kỹ thuật máy ính (15 người))

4. Điều kiện xét tuyển

■ Nhập học mới

Điều kiện đăng ký	
Quốc tịch	Bản thân sinh viên và bố mẹ đều là người nước ngoài (Công nhận cho trường hợp sinh viên và bố mẹ nhận được quốc tịch nước ngoài trước khi sinh viên bắt đầu chương trình học tương ứng với bậc THPT của Hàn Quốc)
Học lực cao nhất	Sinh viên đã tốt nghiệp THPT hoặc chuẩn bị tốt nghiệp THPT trong nước hoặc nước ngoài
Năng lực ngoại ngữ	Phải đáp ứng ① trong ③ điều kiện sau đây ① Có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên ② Đã hoàn thành lớp cấp 3 tại các trung tâm tiếng Hàn thuộc các trường Đại học tại Hàn Quốc. ③ Vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường Đại học Myongji tổ chức ※ Trường hợp ngoại lệ: đối tượng đặc biệt (vận động viên) ứng tuyển vào các chuyên ngành thể dục thể thao hoặc kinh doanh lĩnh vực thể thao.

■ Chuyển tiếp (năm 2)

Điều kiện đăng ký	
Quốc tịch	Bản thân sinh viên và bố mẹ đều là người nước ngoài (Công nhận cho trường hợp sinh viên và bố mẹ nhận được quốc tịch nước ngoài trước khi sinh viên bắt đầu chương trình học tương ứng với bậc THPT của Hàn Quốc)
Học lực cao nhất	Phải đáp ứng ① trong ② điều kiện sau đây ① Sinh viên tối thiểu phải hoàn thành và tích lũy đủ số tín chỉ của năm học thứ nhất ở các trường đại học hệ 4 năm trong nước cũng như ở nước ngoài. * Hoàn thành năm học: ở đây được hiểu là sinh viên phải đăng ký học và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của trường đại học đã theo học trước đó. Lưu ý trước khi đăng ký nhập học, sinh viên bắt buộc phải xác nhận xem đã hoàn thành năm học và tích lũy đủ số tín chỉ hay chưa , rồi sau đó mới được đăng ký nhập học. ② Sinh viên đã tốt nghiệp hoặc đang chờ tốt nghiệp tại các trường cao đẳng hệ 2 năm của Trung Quốc.
Năng lực ngoại ngữ	Phải đáp ứng ① trong ③ điều kiện sau đây ① Có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên ② Đã hoàn thành lớp cấp 3 tại các trung tâm tiếng Hàn thuộc các trường Đại học tại Hàn Quốc. ③ Vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường Đại học Myongji tổ chức ※ Trường hợp ngoại lệ: đối tượng đặc biệt (vận động viên) ứng tuyển vào các chuyên ngành thể dục thể thao hoặc kinh doanh lĩnh vực thể thao.

■ Chuyển tiếp (năm 3)

Điều kiện đăng ký	
Tiêu chuẩn quốc tịch	Bản thân sinh viên và bố mẹ đều là người nước ngoài (Công nhận cho trường hợp sinh viên và bố mẹ nhận được quốc tịch nước ngoài trước khi sinh viên bắt đầu chương trình học tương ứng với bậc THPT của Hàn Quốc)
Học lực cao nhất	Phải đáp ứng ① trong ② điều kiện sau đây: ① Sinh viên tối thiểu phải hoàn thành và tích lũy đủ số tín chỉ của năm học thứ 2 ở các trường đại học hệ 4 năm trong nước cũng như ở nước ngoài. * Hoàn thành năm học: ở đây được hiểu là sinh viên phải đăng ký học và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của trường đại học đã theo học trước đó. Lưu ý trước khi đăng ký nhập học, sinh viên bắt buộc phải xác nhận xem đã hoàn thành năm học và tích lũy đủ số tín chỉ hay chưa , rồi sau đó mới được đăng ký nhập học. ② Sinh viên đã tốt nghiệp hoặc đang chờ tốt nghiệp tại các trường cao đẳng trong nước cũng như ở nước ngoài.
Năng lực ngoại ngữ	Phải đáp ứng ① trong ③ điều kiện sau đây ① Có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên ② Đã hoàn thành lớp cấp 3 tại các trung tâm tiếng Hàn thuộc các trường Đại học tại Hàn Quốc. ③ Vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường Đại học Myongji tổ chức ※ Trường hợp ngoại lệ: đối tượng đặc biệt (vận động viên) ứng tuyển vào các chuyên ngành thể dục thể thao hoặc kinh doanh lĩnh vực thể thao.

■ **Chuyển tiếp năm 4:** Điều kiện nhập học phụ thuộc vào nội dung ký kết hợp tác giữa đại học đang học trước đó với trường Đại học Myongji.

5. Thủ tục nhập học và Cách thức nộp hồ sơ

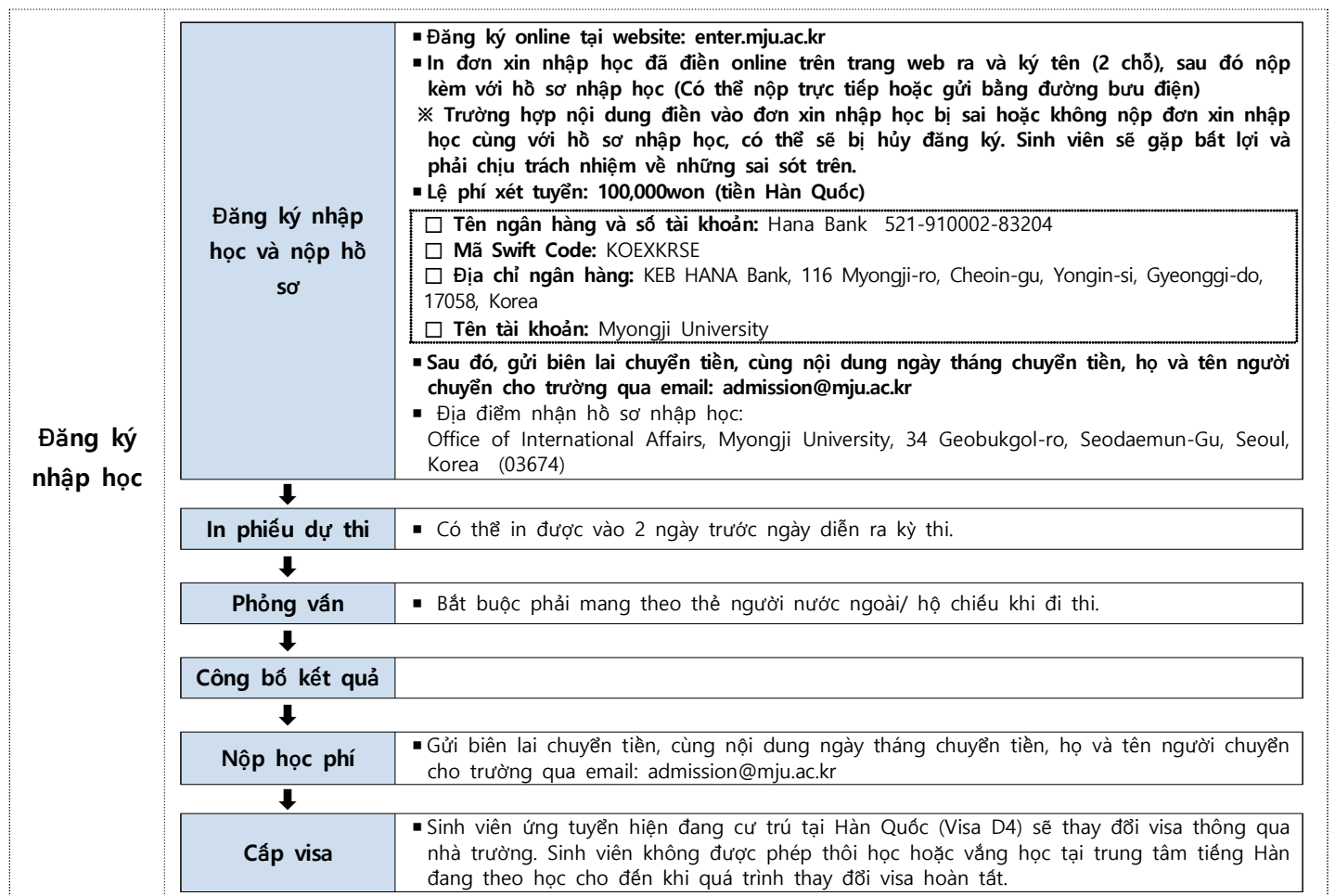
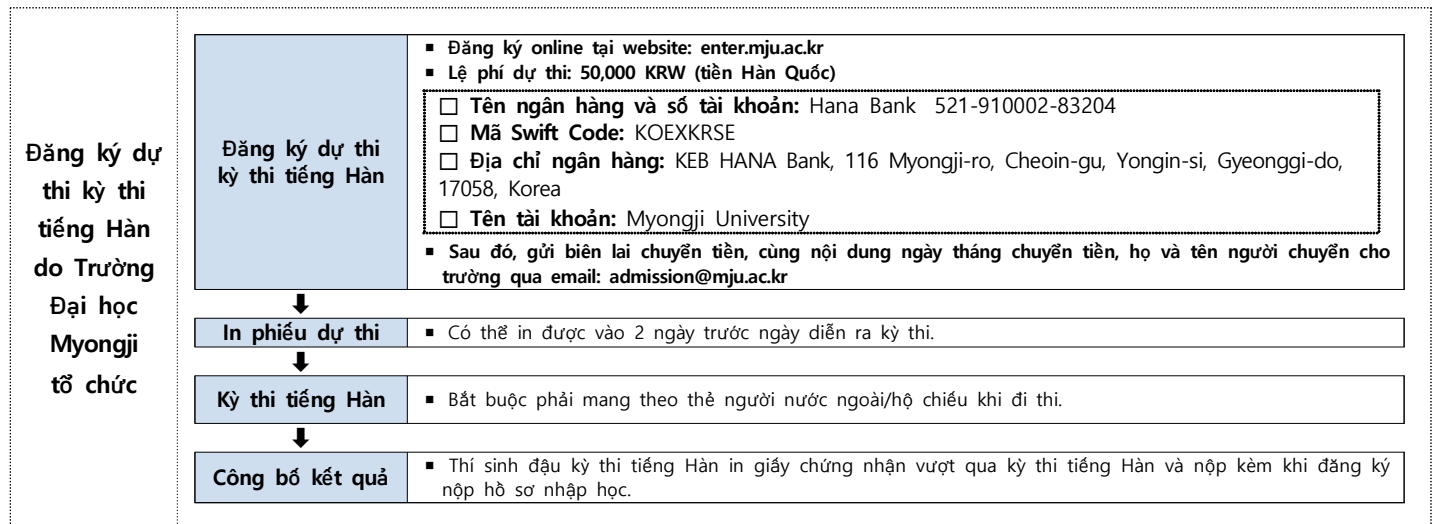
■ Sinh viên ứng tuyển phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK cấp 3 trở lên hoặc đã hoàn thành lớp cấp 3 tại các trung tâm tiếng Hàn trực thuộc các trường Đại học tại Hàn Quốc.

Đăng kí nhập học (nộp hồ sơ) -> Phòng vấn -> Công bố danh sách trúng tuyển -> Nộp học phí -> Nhập học

■ Sinh viên không có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn như trên:

Bước 1: Đăng ký thi tiếng Hàn do Trường Đại học Myongji tổ chức -> Dự thi kỳ thi tiếng Hàn do Trường Đại học Myongji tổ chức -> Công bố kết quả (Cấp giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn)

Bước 2: Đăng ký nhập học -> Phòng vấn -> Công bố danh sách trúng tuyển -> Nộp học phí -> Nhập học



6. Hồ sơ cần chuẩn bị

Hồ sơ cần chuẩn bị (dành cho sinh viên nhập học từ năm nhất)

STT	Hồ sơ cần chuẩn bị	Hồ sơ cần dịch công chứng sang ngôn ngữ
0	Biên lai chuyển tiền lệ phí xét tuyển [Phí xét tuyển: 100,000won]	
1	Đơn xin nhập học (In đơn xin nhập học đã điền online tại trang web http://enter.mju.ac.kr , sau đó ký tên vào 2 chỗ)	Tiếng Hàn
2	Bản sao hộ chiếu (của bản thân)	
3	Bản sao mặt trước và mặt sau thẻ người nước ngoài (của bản thân) ※ Chỉ áp dụng đối với sinh viên ứng tuyển đang cư trú tại Hàn Quốc.	
4	Giấy xác nhận lịch sử xuất nhập cảnh (출입국 사실증명서) ※ Dành cho sinh viên đăng kí trong nước	
5	Bản sao chứng minh nhân dân/thẻ căn cước (của bản thân, của bố và mẹ)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
6	Bản dịch công chứng giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu ※ Sinh viên quốc tịch Trung Quốc nộp bản sao sổ hộ khẩu. ※ Trường hợp sinh viên và bố mẹ không cùng nằm trên một hộ khẩu thì phải nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình.	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
7	<p>Sinh viên nộp hồ sơ tại Hàn Quốc (Có thể người nước ngoài)</p> <p>Bản sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng 3 tháng gần nhất.</p> <p>① Bản sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng 3 tháng gần nhất. ② Bắt buộc phải nộp bản sao kê 3 tháng gần nhất tính từ ngày nộp hồ sơ. ③ Trong bản sao kê có căn cứ chứng minh được có nguồn thu nhập hoặc trợ cấp trung bình hàng tháng là 500,000 KRW trở lên. ※ Có thể thay thế bằng giấy xác nhận gửi tiền từ nước ngoài định kỳ hoặc bản sao kê lịch sử giao dịch bằng thẻ ngân hàng quốc tế. ※ Có thể thay thế bằng những giấy tờ chứng minh có nhận trợ cấp từ gia đình, người thân hoặc cơ quan. ※ Sinh viên phải chuẩn bị riêng Giấy xác nhận số dư để nộp khi làm thủ tục đổi visa.</p> <p>Sinh viên nộp hồ sơ từ nước ngoài</p> <p>Sinh viên ứng tuyển từ nước ngoài nộp bản gốc Giấy xác nhận số dư do ngân hàng cấp, tài khoản 20,000 USD (Đứng tên của bản thân hoặc bố mẹ) ※ Riêng sinh viên Việt Nam bắt buộc phải nộp Giấy xác nhận đã mở sổ tiết kiệm theo gói bảo lãnh tài chính du học (유학경비예치확인서) tại ngân hàng Hàn Quốc chi nhánh ở Việt Nam. (Ngân hàng Shinhan, Ngân hàng Woori)</p>	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
8	Nộp giấy xác nhận điểm chuyên cần của tất cả các kỳ học tiếng tại Hàn Quốc. ※ Chỉ áp dụng đối với sinh viên ứng tuyển đang cư trú tại Hàn Quốc. (Điểm chuyên cần trung bình cộng lại và chia ra giữa các kì phải trên 80%, Phải nộp điểm chuyên cần của tất cả các kì)	
9	Bản gốc chứng chỉ kỳ thi năng lực tiếng Hàn hoặc các giấy tờ chứng minh liên quan ① Bản gốc chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên ② Bản gốc giấy chứng nhận hoàn thành lớp cấp 3 tại các cơ quan đào tạo tiếng Hàn trực thuộc các trường đại học tại Hàn Quốc. ③ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn (sinh viên đã vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường đại học Myongji tổ chức)	
10	Bản sao bằng tốt nghiệp THPT ※ Đối với sinh viên nhập học từ năm nhất, bắt buộc phải có giấy xác nhận học lực. (Bản gốc giấy xác nhận học lực) (Tham khảo mục những điều cần lưu ý ở bên dưới)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
11	Bản sao học bạ THPT	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
12	Sinh viên ứng tuyển các khoa, chuyên ngành thuộc khối ngành nghệ thuật, thể dục, thể thao (Buộc phải nộp các hồ sơ như tác phẩm, bằng khen, v.v Trường hợp không nộp sẽ không thể ứng tuyển)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh

Những điểm cần lưu ý	Hồ sơ xác thực học lực bằng tốt nghiệp THPT
1. Sinh viên đến từ các quốc gia đã gia nhập Apostille: Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu xác thực Apostille. ※ Mọi thắc mắc liên quan đến việc xác thực Apostille và hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ vui lòng liên hệ: Bộ phận thương mại ngoại giao ĐT: 02-2100-7600 hoặc 02-3210-0404	
2. Sinh viên đến từ các quốc gia chưa gia nhập Apostille (như Việt Nam...): Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán/ Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia của mình.	
3. Sinh viên tốt nghiệp tại các trường THPT tại Hàn Quốc không cần phải xin xác thực học lực.	

Hồ sơ cần chuẩn bị (dành cho sinh viên chuyển tiếp)

STT	Hồ sơ cần chuẩn bị	Hồ sơ cần dịch công chứng sang ngôn ngữ
0	Biên lai chuyển tiền lệ phí xét tuyển [Phí xét tuyển: 100,000won]	
1	Đơn xin nhập học (In đơn xin nhập học đã điền online tại trang web http://enter.mju.ac.kr , sau đó ký tên vào 2 chỗ)	Tiếng Hàn
2	Bản sao hộ chiếu (của bản thân)	
3	Bản sao mặt trước và mặt sau thẻ người nước ngoài (của bản thân) ※ Chỉ áp dụng đối với sinh viên ứng tuyển đang cư trú tại Hàn Quốc.	
4	Giấy xác nhận lịch sử xuất nhập cảnh (출입국 사실증명서) ※ Dành cho sinh viên đăng kí trong nước	
5	Bản sao chứng minh nhân dân/ thẻ căn cước (của bản thân, bố và mẹ)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
6	Bản dịch công chứng giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu [원본] ※ Sinh viên quốc tịch Trung Quốc nộp bản sao sổ hộ khẩu. ※ Trường hợp sinh viên và bố mẹ không cùng nằm trên một hộ khẩu thì phải nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình.	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
7	Sinh viên nộp hồ sơ tại Hàn Quốc (Có thể người nước ngoài) Bản sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng 3 tháng gần nhất. ① Bản sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng 3 tháng gần nhất. ② Bắt buộc phải nộp bản sao kê 3 tháng gần nhất tính từ ngày nộp hồ sơ. ③ Trong bản sao kê có căn cứ chứng minh được có nguồn thu nhập hoặc trợ cấp trung bình hàng tháng là 500,000 KRW trở lên. ※ Có thể thay thế bằng giấy xác nhận gửi tiền từ nước ngoài định kỳ hoặc bản sao kê lịch sử giao dịch bằng thẻ ngân hàng quốc tế. ※ Có thể thay thế bằng những giấy tờ chứng minh có nhận trợ cấp từ gia đình, người thân hoặc cơ quan. ※ Sinh viên phải chuẩn bị riêng Giấy xác nhận số dư để nộp khi làm thủ tục đổi visa.	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
	Sinh viên nộp hồ sơ từ nước ngoài Sinh viên ứng tuyển từ nước ngoài nộp bản gốc Giấy xác nhận số dư do ngân hàng cấp, tài khoản 20,000 USD (Đứng tên của bản thân hoặc bố mẹ) ※ Riêng sinh viên Việt Nam bắt buộc phải nộp Giấy xác nhận đã mở sổ tiết kiệm theo gói bảo lãnh tài chính du học (유학경비예치확인서) tại ngân hàng Hàn Quốc chi nhánh ở Việt Nam. (Ngân hàng Shinhan, Ngân hàng Woori)	
8	Nộp giấy xác nhận điểm chuyên cần của tất cả các kỳ học tiếng tại Hàn Quốc. ※ Chỉ áp dụng đối với sinh viên ứng tuyển đang cư trú tại Hàn Quốc. (Điểm chuyên cần trung bình cộng lại và chia ra giữa các kì phải trên 80%, Phải nộp điểm chuyên cần của tất cả các kì)	
9	Bản gốc chứng chỉ kỳ thi năng lực tiếng Hàn hoặc các giấy tờ chứng minh liên quan ① Bản gốc chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên ② Bản gốc giấy chứng nhận hoàn thành lớp cấp 3 tại các cơ quan đào tạo tiếng Hàn trực thuộc các trường đại học của Hàn Quốc. ③ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn (sinh viên đã vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường đại học Myongji tổ chức)	
10	Bản sao bằng tốt nghiệp THPT ※ Đối với sinh viên nhập học từ năm nhất, hồ sơ bắt buộc phải có Hợp pháp hóa lãnh sự (Bản gốc hồ sơ đã được Hợp pháp hóa lãnh sự)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
11	Bản gốc bằng tốt nghiệp đại học/cao đẳng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành năm học tại các trường đại học hệ 4 năm. ※ Giấy chứng nhận tốt nghiệp có thể nộp bản sao, giấy xác nhận học lực phải nộp bản gốc ※ Sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học/cao đẳng ở nước ngoài buộc phải Hợp pháp hóa lãnh sự bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học/cao đẳng. ※ Sinh viên đã tốt nghiệp/ đã hoàn thành chương trình đào tạo tại các trường tại Hàn Quốc buộc phải Hợp pháp hóa lãnh sự bằng tốt nghiệp và học bạ THPT.	Tiếng Hàn, Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung
12	Bản gốc bảng điểm đại học/cao đẳng [Bản dịch công chứng có Hợp pháp hóa lãnh sự]	Tiếng Hàn, Tiếng Anh
13	Sinh viên ứng tuyển các khoa, chuyên ngành thuộc khối ngành nghệ thuật, thể dục, thể thao: (Buộc phải nộp các hồ sơ như tác phẩm, bằng khen, v.v Trường hợp không nộp sẽ không thể ứ ng tuyển)	Tiếng Hàn, Tiếng Anh

Những điểm cần lưu ý	Hồ sơ xác thực học lực Bằng tốt nghiệp THPT và giấy chứng nhận hoàn thành năm học tại trường đại học
1. Sinh viên đến từ các quốc gia đã gia nhập Apostille: Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu xác thực Apostille. ※ Mọi thắc mắc liên quan đến việc xác thực Apostille và hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ vui lòng liên hệ: Bộ phận thương mại ngoại giao ĐT: 02-2100-7600 hoặc 02-3210-0404	
2. Sinh viên đến từ các quốc gia chưa gia nhập Apostille (như Việt Nam): Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán/ Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia của mình.	
3. Sinh viên đã tốt nghiệp hoặc đã hoàn thành năm học tại các trường đại học ở Hàn Quốc cần nộp hồ sơ xác thực học lực THPT ở nước ngoài.	

7. Thời gian tuyển sinh

Thi tiếng Hàn đầu vào của trường

Phân loại	Đợt 1	Ghi chú
Thời gian đăng kí	09.11.2020 (Thứ 1) ~ 18.11.2020 (Thứ 3) - Đăng kí online	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đăng kí trên trang web enter.mju.ac.kr ▪ Phí đăng kí : 50,000 won (tiền Hàn) ▪ Ngày chuyển khoản, tên người chuyển khoản, hóa đơn chuyển khoản nộp tại admission@mju.ac.kr
Ngày thi tiếng Hàn	11h00 28.11.2020 (Thứ 6)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phiếu dự thi : có thể in ra trước 2 ngày thi ▪ Khi đi thi phải mang theo thẻ người nước ngoài
Phỏng vấn	04.12.2020 (Thứ 5) - Xác nhận trên web	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thí sinh đã thông qua bài thi tiếng Hàn của trường, Sau khi in giấy chứng và nộp lại cho nhà trường.

※ Vì tình hình dịch bệnh Covid19 lịch trình cũng có thể thay đổi.

■ Đăng kí nhập học

※ Sinh viên ở những quốc gia có thời gian cấp visa mất trên 3 tuần chỉ được đăng ký ứng tuyển đợt 1.

Phân loại	Đợt 1	Đợt 2	Ghi chú
Tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> Qua đường bưu điện: 19.10 (Thứ 1)~ 30.10.2020 (Thứ 5) Thời hạn nhận hồ sơ trực tiếp: 29.10 (Thứ 4)~ 30.10.2020 (Thứ 5) Thời gian: 10:00~17:00 	<ul style="list-style-type: none"> Qua đường bưu điện: 01.12 (Thứ 2)~ 11.12.2020 (Thứ 5) Thời hạn nhận hồ sơ trực tiếp: 10.12 (Thứ 4)~ 11.12.2020 (Thứ 5) Thời gian: 10:00~17:00 	※ Phương thức nộp : Thông qua bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ <Trực tiếp nộp hồ sơ> Phòng Hợp tác quốc tế Trường Đại học Myongji <Bưu điện> 서울 서대문구 거북골로 34 명지대학교 국제교류지원팀 Office of International Affairs Myongji University, 34 Geobukgol-ro, Seodaemun-Gu, Seoul, Korea (03674)
Phỏng vấn	13.11.2020 (Thứ 5)	23.12.2020 (Thứ 3)	<ul style="list-style-type: none"> Giấy báo thi : Có thể in trước hai ngày thi Vào ngày thi bắt buộc phải xuất trình thẻ người nước ngoài
công bố danh sách trúng tuyển	15h00 ngày 27.11.2020 (Thứ 5)	15h00 ngày 05.01.2021 (Thứ 2)	<ul style="list-style-type: none"> Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển và thông báo đóng học phí trên trang web trường.
Thời hạn đóng học phí	27.11.2020 (Thứ 5)~ 04.12.2020 (Thứ 5)	05.01.2021 (Thứ 2)~ 12.01.2021 (Thứ 2)	
Gửi Giấy báo nhập học cho sinh viên ở nước ngoài	21.12.2020 (Thứ 1) ~	18.01.2021 (Thứ 1) ~	<ul style="list-style-type: none"> Đối với thí sinh ở nước ngoài sẽ chuyển bản gốc giấy báo nhập học qua chuyển phát nhanh quốc tế (EMS), đối với Trung Quốc sẽ gửi qua email.
Lịch đổi visa dành cho sinh viên tại Hàn Quốc	20.01.2021 (Thứ 3)		<ul style="list-style-type: none"> Thí sinh tại Hàn Quốc (D-4) thay đổi visa thông qua trường. không được bỏ học hoặc vắng mặt tại lớp học tiếng cho đến khi quá trình thay đổi visa hoàn tất.
Khai giảng	02.03.2021 (Thứ 2)		

※ Vì tình hình dịch bệnh Covid19 lịch trình có thể bị thay đổi.

8. Mức học phí

※ Dưới đây là tiêu chuẩn của năm học 2020, mức học phí và kí túc xá của năm 2021 dự kiến sẽ tăng 5%

■ Hướng dẫn mức học phí theo khối

[tiêu chuẩn : W(won)]

Khoa (Ngành)	Học phí	Phí nhập học	Khoa (chuyên ngành)
Khoa nhân văn	3,772,000 (khoa truyền thông 3.761.000)	457,000	Khoa ngữ văn Hàn, khoa ngữ văn Trung, khoa ngữ văn Nhật, khoa ngữ văn Anh, khoa khu vực Á rập, khoa sử học khoa thông tin văn hiến, khoa sử mỹ thuật, khoa triết học
Khoa khoa học xã hội			Khoa hành chính, khoa kinh tế, khoa chính trị ngoại giao, khoa truyền thông, khoa mầm non, khoa chỉ đạo thanh thiếu niên
Khoa luật			Khoa luật
Khoa chuyên ngành tự do			(Khôi ngành Nhân văn) khoa chuyên ngành tự do
Khoa kinh doanh	3,753,000	457,000	Khoa kinh doanh, khoa thương mại quốc tế, khoa thông tin kinh doanh
Khoa ứng dụng ICT	5,012,000	457,000	Phần mềm ứng dụng, kỹ thuật dữ liệu, thông tin viễn thông
Khoa khoa học tự nhiên	4,542,000	457,000	Khoa toán, khoa vật lý, khoa hóa, khoa dinh dưỡng thực phẩm, khoa thông tin khoa học đời sống
Khoa công nghệ	5,012,000	457,000	Khoa điện điện tử (điện, điện tử), công nghệ môi trường, công nghệ máy tính, giao thông công trình (công nghệ môi trường công trình, công nghệ giao thông), công nghệ môi trường nguyên liệu mới (công nghệ hóa học, công nghệ nguyên liệu mới), công nghệ kinh doanh công nghiệp máy móc (công nghệ máy móc, công nghệ kinh doanh công nghiệp), công nghệ ứng dụng,
Khoa chuyên ngành tự do			(Khôi ngành Tự nhiên) khoa chuyên ngành tự do
Khoa quốc tế			Chuyên ngành quản lý thương mại
Khoa nghệ thuật thể thao	5,208,000	457,000	Khoa thiết kế (hình ảnh, đồ họa, công nghiệp, thiết kế thời trang)
	4,984,000	457,000	Khoa thể thao (thể dục, thể thao), khoa cờ vây
	5,287,000	457,000	Khoa nghệ thuật (piano, thanh nhạc, sáng tác nhạc)
	5,440,000	457,000	Khoa nghệ thuật (điện ảnh, nhạc kịch)
Khoa kiến trúc	5,440,000	457,000	Kiến trúc, kiến trúc truyền thống, thiết kế không gian

■ Hướng dẫn về kí túc xá

[tiêu chuẩn : W(won)]

Cơ sở	Vị trí	Phân loại	Thời hạn	Chi phí	Nấu ăn
Cơ sở Seoul	khuôn viên trường	phòng 2 người	1 học kỳ(16 tuần)	1,330,000	○ (sử dụng phòng nấu ăn chung)
		phòng 4 người	1 học kỳ(16 tuần)	971,000	
Cơ sở Yongin	Kí túc xá ngoại trường (Elfen Heim chung cư)	phòng 4 người	1 học kỳ(16 tuần)	1,250,000 * tiền phí 16 : 1,000,000won + tiền cọc 250,000won * phòng 4 người : 1 phòng ngủ, 1 phòng học, phòng khách, nhà bếp, 2 nhà vệ sinh. * Tiền điện, nước, gas sẽ thanh toán riêng	○ (có nhà bếp)

※ Không bao gồm chi phí ăn uống

9. Học bổng người nước ngoài

■ Học bổng nhập học mới (chuyển tiếp) _ chỉ cấp 1 lần vào học kỳ đầu

Bảng cấp TOPIK	Nội dung cấp học bổng
Chưa có TOPIK	20% học phí (cấp dạng sinh hoạt phí)
Đã có TOPIK 3	40% học phí (cấp dạng người nước ngoài)
Đã có TOPIK 4	60% học phí (40% cấp dạng người nước ngoài + 20% cấp dạng sinh hoạt phí)
Đã có TOPIK 5	70% học phí (40% cấp dạng người nước ngoài + 30% cấp dạng sinh hoạt phí)
Đã có TOPIK 6	80% học phí (40% cấp dạng người nước ngoài + 40% cấp dạng sinh hoạt phí)

※ **Trợ cấp dạng sinh hoạt phí** : cấp học bổng sau khi nhập học / **Trợ cấp dạng sinh viên nước ngoài**: miễn giảm ngay khi đóng học phí

※ Tất cả tiền học bổng và tiền hỗ trợ sinh hoạt phí đều trừ 70.000 KRW tiền bảo hiểm (bắt buộc)

※ Sinh viên chuyển tiếp từ năm 4 theo dạng ký kết được cấp học bổng theo tiêu chuẩn học bổng dành cho sinh viên đang theo học

■ Học bổng cho sinh viên nước ngoài đang theo học _ Từ học kỳ thứ 2

Điểm trung bình học kỳ trước(GPA) _ 4.5(tối đa)	Nội dung cấp học bổng
2.5 [C+] trở lên	20% học phí (cấp dạng sinh hoạt phí)
3.0 [B] trở lên	40% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm trước học phí)
3.5 [B+] trở lên	50% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm trước học phí)
4.0[A] trở lên	100% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm hoàn toàn)

※ Số tín chỉ tối thiểu để đạt được học bổng: mỗi kỳ từ 12 tín chỉ trở lên

※ Tất cả tiền học bổng và tiền hỗ trợ sinh hoạt phí đều trừ 70.000 KRW tiền bảo hiểm (bắt buộc)

■ Học bổng khích lệ thành tích TOPIK cho sinh viên đang theo học _ Từ học kỳ thứ 2

[Đơn vị: KRW]

Hạng mục	Nội dung học bổng	Tiền học bổng
Học bổng khích lệ thành tích TOPIK	<input type="checkbox"/> Cấp cho sinh viên mới sau khi nhập học đạt được TOPIK 4 trở lên ※ Thời hạn được cấp: chỉ xét đến học kỳ 1 năm 4 ※ Ngoại trừ sinh viên đạt được cấp TOPIK giống với cấp trước khi nhập học	300,000

■ Học bổng đặc biệt cho sinh viên mới nhập học (chuyển tiếp) _ Chỉ cấp 1 lần vào học kỳ đầu (trừ sinh viên chuyển tiếp năm 4)

[tiêu chuẩn : W(won)]

Hạng mục	Nội dung học bổng	Tiền học bổng
Học bổng đặc biệt dành cho sinh viên đã học tại Myongji	<input type="checkbox"/> Cấp sinh hoạt phí (học bổng) khi nhập học cho sinh viên đã học tiếng hoặc từng là sinh viên trao đổi tại trường Myongji từ 1 học kỳ trở lên	400,000

10. Hạng mục cần lưu ý

Thí sinh cần lưu ý các hạng mục sau

1. Thí sinh phải luôn mang theo thẻ người nước ngoài khi đi tiếng Hàn cũng như khi phỏng vấn đầu vào của trường.
2. Sau khi trường công bố danh sách trúng tuyển, trường hợp không đóng học phí đúng thời hạn sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.
3. Kết quả xét tuyển nhập học sẽ không được công khai, hồ sơ và phí đăng ký sẽ không được hoàn trả lại.
4. Thí sinh phải nắm bắt rõ các điều kiện tuyển sinh của trường, đối với trường hợp không nắm bắt rõ thông tin, khi có vấn đề phát sinh thí sinh phải chịu trách nhiệm.
5. Trường sẽ thông báo danh sách trúng tuyển trên trang web của trường, trường hợp không nắm rõ thông tin, khi có vấn đề phát sinh thí sinh phải chịu trách nhiệm (trường không thông báo cho từng cá nhân)
6. Tài liệu hướng dẫn nhập học này dựa trên bảng tiếng Hàn và được dịch qua tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung, trường hợp nếu có sai sót thí sinh tham khảo lại bảng tiếng Hàn.

Hướng dẫn học phần

1. Sinh viên nhập học mới phải hoàn thành môn tìm hiểu Kinh thánh (2 tín chỉ) và Môn Giảng đạo (4 học kỳ), sinh viên chuyển tiếp phải hoàn thành Môn tìm hiểu Kinh thánh (2 tín chỉ) và Môn Giảng đạo (1 học kỳ).
2. Tất cả sinh viên phải hoàn thành các môn đại cương chung được chỉ định và phải hoàn thành khóa học chương trình chứng nhận đào tạo công nghệ trước đối với Khoa công nghệ và chứng nhận đào tạo kinh doanh đối với Khoa kinh doanh
3. Ngoài số tín chỉ cần phải đạt được để tốt nghiệp, sinh viên phải có Bằng TOPIK 4 mới được tốt nghiệp. (chỉ sinh viên thuộc Khoa nghệ thuật thể thao thì cần TOPIK 3)

Hủy kết quả trúng tuyển

1. Trường hợp không nộp hồ sơ đầy đủ, gian lận trong thi đầu vào, nộp hồ sơ giả, nếu nhà trường phát hiện sẽ bị buộc thôi học và không được hoàn trả lại tiền học phí.
2. Sinh viên không thể cùng nhập học đồng thời cả 2 trường đại học, chỉ được nhập học tại 1 trường, và buộc phải thôi học một trong hai trường đã đăng kí.
3. Đối với trường hợp chuẩn bị tốt nghiệp nhưng chưa hoàn thành tín chỉ tốt nghiệp trong năm học hiện tại, sẽ không được công nhận tốt nghiệp.
4. Ngay cả khi thí sinh được nhận vào học, nhưng không được cấp Visa của Bộ Tư pháp hoặc Văn phòng xuất nhập cảnh cũng sẽ bị hủy kết quả, trường hợp sau khi nhập học được 4 tuần nhưng vẫn không được cấp visa, nhà trường sẽ xử lí theo diện thôi học.

Tel. 02-300-1508 / 1511

Email admission@mju.ac.kr

Address

(03674) 서울특별시 서대문구 거북골로 34 명지대학교 행정동 4층 5403호 국제교류지원팀

(03674) International Affairs Team, Myongji University, 34 Geobukgol-ro, Seodaemun-gu, Seoul, Korea
